

Số: 09/2022/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý, đảm bảo an toàn điện
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03/12/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện và Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương Hà Nội tại Tờ trình số 511/TTr-SCT ngày 16/02/2022 về việc ban hành quy định quản lý, đảm bảo an toàn điện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, đảm bảo an toàn điện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 13 / 3 /2022 và thay thế Quyết định số 76/2014/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

AL

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND Thành phố; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực, sử dụng điện trên địa bàn Thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

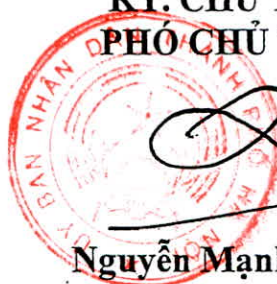
Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư Pháp;
- TTTU, HƏND, UBND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP Hà Nội;
- Tập đoàn điện lực Việt Nam;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử TP Hà Nội;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng: TKBT, TH, KT, ĐT, CT GPMB;
- Lưu: VT, KT. *AK*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ✓

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH ✓



Nguyễn Mạnh Quyền



QUY ĐỊNH

Quản lý, đảm bảo an toàn điện trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 09/2022/QĐ-UBND

ngày 03/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về quản lý, đảm bảo an toàn điện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc hoạt động khác có liên quan đến điện lực trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ được sử dụng trong Quy định này được hiểu như sau:

1. *Lưới điện cao áp* là lưới điện có điện áp danh định từ 1.000 V trở lên.

2. *Lưới điện hạ áp* là lưới điện có điện áp danh định dưới 1.000 V.

3. *Trạng thái vòng cực đại của dây dẫn điện* là trạng thái tính toán dây dẫn khi đồng thời chịu tác động khắc nghiệt nhất của các yếu tố ảnh hưởng như dòng điện qua dây dẫn, nhiệt độ môi trường xung quanh, tải trọng gió.

4. *Hoạt động điện lực* là hoạt động của tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực, phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện lực, bán buôn điện, bán lẻ điện, tư vấn chuyên ngành điện lực và những hoạt động khác có liên quan.

5. *Khách hàng sử dụng điện* là tổ chức, cá nhân mua điện để sử dụng, không bán lại cho tổ chức, cá nhân khác.

6. *Đơn vị điện lực quản lý vận hành lưới điện cao áp* là đơn vị điện lực theo quy định của pháp luật có quản lý vận hành lưới điện cao áp.

7. *HLBVATLĐCA* là hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp của đường dây dẫn điện cao áp trên không, đường cáp điện ngầm cao áp và trạm điện cao áp.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ HÀNH LANG BẢO VỆ AN TOÀN LƯỚI ĐIỆN CAO ÁP

Điều 3. Quy định về HLBVATLĐCA đối với đường dây dẫn điện cao áp trên không, đường cáp điện ngầm cao áp và trạm điện

Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không, đường cáp điện ngầm cao áp và trạm điện được quy định tại Điều 11, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

1. Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không:

a) Đối với đường dây sử dụng dây dẫn trần, dây dẫn bọc, hành lang bảo vệ an toàn được quy định như sau:

Chiều dài hành lang được tính từ vị trí đường dây ra khỏi ranh giới bảo vệ của trạm này đến vị trí đường dây đi vào ranh giới bảo vệ của trạm kế tiếp.

Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh theo quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 22 kV		35 kV		110 kV	220 kV	500 kV
	Dây bọc	Dây trần	Dây bọc	Dây trần	Dây trần		
Khoảng cách	1,0 m	2,0 m	1,5 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m	7,0 m

Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng cột đến điểm cao nhất của công trình cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách	2,0 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m

b) Đối với đường cáp điện đi trên mặt đất hoặc trên không, hành lang bảo vệ an toàn đường cáp được giới hạn về các phía 0,5 m tính từ mặt ngoài của sợi cáp ngoài cùng trở ra.

2. Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm cao áp được quy định như sau:

a) Chiều dài hành lang được tính từ vị trí cáp ra khỏi ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm này đến vị trí vào ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm kế tiếp.

b) Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi:

Mặt ngoài của mương cáp đối với cáp đặt trong mương cáp; hoặc hai mặt thẳng đứng cách mặt ngoài của vỏ cáp hoặc sợi cáp ngoài cùng về hai phía của đường cáp điện ngầm đối với cáp đặt trực tiếp trong đất, trong nước được quy định trong bảng sau:

Loại cáp điện	Đặt trực tiếp trong đất		Đặt trong nước	
	Đất ổn định	Đất không ổn định	Nơi không có tàu thuyền qua lại	Nơi có tàu thuyền qua lại
Khoảng cách	1,0 m	1,5 m	20,0 m	100,0 m

c) Chiều cao được tính từ mặt đất hoặc mặt nước đến:

Mặt ngoài của đáy móng móng cáp đối với cáp đặt trong móng cáp; hoặc độ sâu thấp hơn điểm thấp nhất của vỏ cáp là 1,5m đối với cáp đặt trực tiếp trong đất hoặc trong nước.

3. Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện được quy định như sau:

a) Đối với các trạm điện không có tường, rào bao quanh, hành lang bảo vệ trạm điện được giới hạn bởi không gian bao quanh trạm điện có khoảng cách đến các bộ phận mang điện gần nhất của trạm điện theo quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 22 kV	35 kV
Khoảng cách	2,0 m	3,0 m

b) Đối với trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh, hành lang bảo vệ được giới hạn đến điểm ngoài cùng của móng, kè bảo vệ tường hoặc hàng rào; chiều cao hành lang được tính từ đáy móng sâu nhất của công trình trạm điện đến điểm cao nhất của trạm điện cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

c) Đối với các trạm biến áp, trạm phân phối điện hợp bộ có vỏ bằng kim loại thì hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài của phần vỏ kim loại.

d) Nhà và công trình xây dựng gần hành lang bảo vệ an toàn của trạm điện phải đảm bảo không làm hư hỏng bất kỳ bộ phận nào của trạm điện; không xâm phạm đường ra vào trạm điện, đường cấp thoát nước của trạm điện, hành lang bảo vệ đường cáp điện ngầm và đường dây dẫn điện trên không; không làm cản trở hệ thống thông gió của trạm điện; không để cho nước thải xâm nhập làm hư hỏng công trình điện.

Điều 4. Quy định về cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không

Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không được quy định Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

1. Đối với cây trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây:

a) Đối với đường dây dẫn điện có điện áp đến 35 kV trong thành phố, thị xã, thị trấn thì khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn điện ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	
Khoảng cách	Dây bọc	Dây trần
	0,7 m	1,5 m

b) Đối với đường dây có điện áp từ 110 kV đến 500 kV trong thành phố, thị xã, thị trấn thì không được để cây cao hơn dây dẫn thấp nhất trừ trường hợp đặc biệt phải có biện pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn và được Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép. Khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:

Điện áp	110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách	Dây trần		
	2,0 m	3,0 m	4,5 m

c) Đối với đường dây ngoài thành phố, thị xã, thị trấn thì khoảng cách từ điểm cao nhất của cây theo chiều thẳng đứng đến độ cao của dây dẫn thấp nhất khi đang ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV		110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách	Dây bọc	Dây trần	Dây trần		
	0,7 m	2,0 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m

d) Đối với đường dây dẫn điện trên không vượt qua rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, vườn trồng cây thì khoảng cách theo phương thẳng đứng từ chiều cao trung bình của cây đã phát triển tối đa đến dây dẫn điện thấp nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

2. Đối với cây ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây và ngoài thành phố, thị xã, thị trấn, khoảng cách từ bộ phận bất kỳ của cây khi cây bị đổ đến bộ phận bất kỳ của đường dây không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	110 và 220 kV	500 kV
Khoảng cách	0,7 m	1,0 m	2,0 m

3. Đối với cây phát triển nhanh trong khoảng thời gian 03 tháng có khả năng vi phạm khoảng cách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và những cây không còn hiệu quả kinh tế nếu chặt ngọn, tia cành, thì phải chặt bỏ và cấm trồng mới.

4. Lúa, hoa màu và cây chỉ được trồng cách mép móng cột điện, móng néo ít nhất là 0,5 m.

Điều 5. Quy định về nhà ở, công trình có người sinh sống, làm việc bên trong được tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không

Nhà ở, công trình xây dựng trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không được quy định tại Điều 51 Luật Điện lực; Điều 13 của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

1. Nhà ở, công trình xây dựng được tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 kV nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Mái lợp và tường bao phải làm bằng vật liệu không cháy;
- b) Không gây cản trở đường ra vào để kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các bộ phận của đường dây;
- c) Khoảng cách từ bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình xây dựng đến dây dẫn điện gần nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	110 kV	220 kV
Khoảng cách	3,0 m	4,0 m	6,0 m

d) Cường độ điện trường nhỏ hơn 5 kV/m tại điểm bất kỳ ở ngoài nhà cách mặt đất một (01) mét và nhỏ hơn hoặc bằng 1 kV/m tại điểm bất kỳ ở bên trong nhà cách mặt đất một (01) mét.

e) Đối với nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp 220 kV, ngoài đáp ứng các điều kiện trên, các kết cấu kim loại của nhà ở, công trình còn phải được nối đất theo quy định về kỹ thuật nối đất.

2. Không cho phép tồn tại nhà ở và công trình có người thường xuyên sinh sống, làm việc trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp từ 500 kV trở lên, trừ những công trình chuyên ngành phục vụ vận hành lưới điện đó.

3. Khi tiến hành các công việc trên mặt đất, dưới lòng đất ở gần hoặc trong hành lang bảo vệ đường dây dẫn điện trên không có khả năng ảnh hưởng đến sự vận hành bình thường của đường dây hoặc có nguy cơ gây sự cố, tai nạn về điện thì đơn vị tiến hành những công việc đó phải có sự thỏa thuận với đơn vị quản lý công trình lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn cần thiết.

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ AN TOÀN TRONG PHÁT ĐIỆN, TRUYỀN TẢI ĐIỆN, PHÂN PHỐI ĐIỆN, SỬ DỤNG ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐIỆN

Điều 6. Quy định về an toàn trong thiết kế, xây dựng, sửa chữa, lắp đặt, nghiệm thu thiết bị, công trình điện

Thiết kế, xây dựng, sửa chữa, lắp đặt, nghiệm thu thiết bị, công trình điện phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Điện lực, được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, sửa đổi một số điều của Luật Điện lực; khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 5, Điều 9 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; khoản 1 Điều 4 Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện và quy định pháp luật về xây dựng như sau:

1. Đầu tư phát triển điện lực phải phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực. Dự án đầu tư chưa có trong quy hoạch phát triển điện lực chỉ được thực hiện khi cơ quan lập quy hoạch phát triển điện lực trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch cho phép.

2. Việc thiết kế, chế tạo thiết bị, xây dựng công trình điện phải thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, quốc tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép áp dụng tại Việt Nam và quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng, đáp ứng yêu cầu về công năng sử dụng, công nghệ áp dụng (nếu có); bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn trong sử dụng, mỹ quan, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống cháy, nổ và điều kiện an toàn khác. Thiết kế xây dựng công trình điện phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng công trình điện phải có đầy đủ điều kiện năng lực hoạt động. Bố trí người làm công việc xây lắp, sửa chữa công trình điện phải được đào tạo về nghiệp vụ, kỹ thuật đúng yêu cầu ngành nghề, được huấn luyện, sát hạch, xếp bậc và cấp thẻ an toàn điện. Các thiết bị, dụng cụ điện sử dụng phải có chứng chỉ chất lượng hoặc nhãn mác đăng ký chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định pháp luật khác có liên quan, được kiểm định an toàn kỹ thuật theo đúng quy định.

Điều 7. Quy định về an toàn trong đấu nối, tách đấu nối, kiểm định, thí nghiệm, vận hành và bảo trì thiết bị, công trình điện

1. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, thí nghiệm, kiểm định, dịch vụ điện tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về an toàn quy định tại Điều 54, Điều 55, Điều 56 Luật Điện lực, được sửa đổi bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; Điều 5 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết

thi hành Luật Điện lực về an toàn điện, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ.

2. Phương án đấu nối các trạm điện, lưới điện và nhà máy điện mới vào lưới điện phân phối phải phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực được phê duyệt. Trường hợp phương án đấu nối không phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực đã được phê duyệt phải thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực do Bộ Công Thương ban hành.

3. Thao tác đấu nối, tách đấu nối lưới điện phải tuân thủ quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện và quy trình thao tác trong hệ thống điện quốc gia. Trình tự, thủ tục thỏa thuận, thực hiện đấu nối hoặc tách đấu nối phải được lập thành hồ sơ, tuân thủ theo quy định hệ thống điện truyền tải, hệ thống điện phân phối và quy định về tiếp cận điện năng của Bộ Công Thương.

4. Các thiết bị, dụng cụ điện phải được kiểm định an toàn kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng và trong quá trình sử dụng, vận hành theo đúng quy định. Người làm công việc vận hành, thí nghiệm, sửa chữa đường dây dẫn điện hoặc thiết bị điện của tổ chức, bao gồm cả treo, tháo, kiểm tra, kiểm định hệ thống đo, đếm điện năng, điều độ viên phải được huấn luyện, sát hạch, xếp bậc, cấp thẻ an toàn điện.

Điều 8. Quy định về an toàn trong sử dụng điện

1. Tổ chức, cá nhân khi sử dụng điện cho sản xuất, sinh hoạt, dịch vụ phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về an toàn quy định tại Điều 57, Điều 58 Luật Điện lực; khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng điện phải tổ chức thực hiện các công việc sau:

a) Có đầy đủ các tài liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn điện; các hướng dẫn như: Quy trình, nội quy và biện pháp tổ chức thực hiện các quy định về an toàn điện tại cơ quan, doanh nghiệp trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện hiện hành. Thiết lập hồ sơ, lý lịch, tài liệu kỹ thuật liên quan đến thiết bị điện và tổ chức quản lý. Tại các vị trí vận hành phải có đầy đủ các quy trình về vận hành thiết bị, xử lý sự cố điện, sơ đồ lưới điện, nội quy phòng cháy chữa cháy, sổ nhận ký vận hành, trang bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân, biển cấm, biển báo và các dụng cụ phương tiện cá nhân khác.

b) Bố trí người lao động làm công việc liên quan đến vận hành, sửa chữa đường dây, thiết bị điện phải được đào tạo về nghiệp vụ, kỹ thuật đúng yêu cầu ngành nghề; đơn vị sử dụng điện để sản xuất (có trạm biến áp riêng), người lao động còn phải được huấn luyện, sát hạch, xếp bậc và cấp thẻ an toàn điện. Các

thiết bị, dụng cụ điện sử dụng phải được quản lý, kiểm định an toàn theo đúng quy định của pháp luật.

c) Đối với khách hàng sử dụng lưới điện hạ áp: Có trách nhiệm tổ chức kiểm tra an toàn hệ thống điện của mình, kịp thời phát hiện và ngăn ngừa nguy cơ gây sự cố, tai nạn về điện; sử dụng các loại dây dẫn, dây cáp điện và thiết bị điện, thiết bị bảo vệ hệ thống điện rõ nhãn mác, nguồn gốc xuất xứ; lựa chọn tiết diện dây dẫn phù hợp với công suất thiết bị điện sử dụng để không gây quá tải, hư hỏng thiết bị lưới điện theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN số 12:2014/BXD về hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng như sau:

Đối với những dây nhánh trong nhà, dây di động từ ổ cắm tới những thiết bị có công suất nhỏ hơn 1 kW như ti vi, tủ lạnh, quạt điện thì dùng dây đồng mềm với 2 lớp cách điện, có tiết diện tối thiểu 2x1,5 mm². Đối với thiết bị có công suất lớn hơn 1 kW và nhỏ hơn 2 kW như bếp điện, đèn sưởi, điều hoà thì nên sử dụng dây với 2 lớp cách điện tiết diện tối thiểu 2x2,5 mm².

Với dây nguồn cấp, dây đến ổ cắm điện hoặc cấp cho những thiết bị điện có công suất lớn hơn 2 kW, lựa chọn tiết diện dây dẫn theo công suất như gợi ý sau:

Tiết diện dây đồng tối thiểu (mm ²)	Dòng điện pha (A)	Công suất 1 pha tại điện áp 220V (kW)	Công suất 3 pha (kW)
1,5	3,75	0,7	2,1
2	5	0,94	2,81
2,5	6,25	1,17	3,51
4	10	1,87	5,61
6	15	2,81	8,42
10	25	4,68	14,03
16	40	7,48	22,44
25	62,5	16,69	35,06
35	87,5	16,36	49,09

CHƯƠNG IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, ĐẢM BẢO AN TOÀN ĐIỆN

TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Thường trực Ban chỉ đạo phát triển điện lực Thành phố; tham mưu UBND Thành phố ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, xây dựng Kế

hoạch hoạt động hàng năm của Ban chỉ đạo phát triển điện lực Thành phố; thành lập tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo phát triển điện lực Thành phố.

2. Tổ chức quản lý, bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật. Chủ trì thực hiện số hóa và quản lý cơ sở dữ liệu hệ thống điện thành phố Hà Nội phục vụ công tác quy hoạch, công tác cấp phép của các cơ quan chuyên môn đảm bảo HLBVATLĐCA và các công tác khác.

3. Chủ trì cùng UBND cấp huyện rà soát, tổng hợp các trường hợp công trình không đủ điều kiện tồn tại trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, đề xuất phương án báo cáo UBND Thành phố quyết định.

4. Tổ chức tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ, kiểm tra, đôn đốc UBND cấp huyện, các đơn vị điện lực và các tổ chức, cá nhân có liên quan xử lý các vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, vi phạm quy định về an toàn điện trên địa bàn đúng quy định.

5. Chỉ đạo Thanh tra Sở xử lý các vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, vi phạm quy định về an toàn điện theo thẩm quyền được quy định tại Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

6. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo và các vấn đề liên quan đến bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, an toàn điện trên địa bàn theo thẩm quyền.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chỉ đạo Thanh tra Sở xử lý các công trình vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp theo thẩm quyền được quy định tại Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

2. Cấp phép và hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng đảm bảo HLBVATLĐCA theo quy định.

3. Chủ trì hướng dẫn về công tác quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội; có trách nhiệm kiểm

tra công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng đối với công trình chuyên ngành do mình quản lý (chung cư, nhà cao tầng, công trình công nghiệp, vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật), đảm bảo các quy định an toàn về điện.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải

1. Chỉ đạo hoạt động cấp phép xây dựng chuyên ngành, hướng dẫn các đơn vị điện lực từ bước thỏa thuận công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến bước thiết kế kỹ thuật và cuối cùng cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác đảm bảo tránh chông lán giữa hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng giao thông và HLBVATLĐCA đặc biệt là các công trình điện đi ngầm.

2. Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc phối hợp với các đơn vị điện lực thường xuyên cập nhật sơ đồ mặt bằng lưới điện cao áp, cơ sở dữ liệu hệ thống điện đặc biệt là các công trình điện đi ngầm phục vụ công tác quản lý hạ tầng giao thông và cấp phép thi công.

3. Thực hiện trách nhiệm của cơ quan cấp phép xây dựng trước khi cấp phép cho tổ chức, cá nhân xây dựng theo quy định tại khoản 2, Điều 51 của Luật Điện lực.

4. Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc trong giám sát sau cấp phép, kịp thời xử lý, giải quyết theo thẩm quyền không để vi phạm về an toàn điện hoặc ảnh hưởng đến vận hành an toàn lưới điện cao áp.

Điều 12. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Rà soát, kiện toàn Ban chỉ đạo phát triển điện lực cấp huyện và duy trì hoạt động thường xuyên, hiệu quả để chỉ đạo xử lý các vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, hành vi vi phạm quy định về an toàn điện trên địa bàn cũng như các hoạt động khác của Ban chỉ đạo phát triển điện lực cấp huyện.

Trưởng Ban chỉ đạo phát triển điện lực cấp huyện là Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND cấp huyện được phân công phụ trách lĩnh vực phát triển điện lực chịu trách nhiệm của người đứng đầu trước pháp luật, UBND Thành phố, Trưởng Ban chỉ đạo phát triển điện lực Thành phố, UBND cấp huyện trong công tác của Ban chỉ đạo phát triển điện lực cấp huyện và đảm bảo an toàn điện trên địa bàn.

Các Ủy viên là Trưởng/phó các phòng, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã, Lãnh đạo các đơn vị điện lực có công trình điện trên địa bàn do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định, phân công công tác cụ thể và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện, Trưởng Ban chỉ đạo phát triển điện lực cấp huyện về nhiệm vụ được giao.

2. Chủ trì phối hợp với các đơn vị điện lực quản lý vận hành lưới điện thường xuyên rà soát, thống kê các điểm vi phạm HLBVATLĐCA, xây dựng

Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo có các giải pháp cụ thể để đạt mục tiêu hàng năm giảm tối thiểu 30% số vụ vi phạm cũ, không để tồn tại vi phạm mới.

3. Chỉ đạo và giám sát các đơn vị điện lực trong sử dụng lực lượng Kiểm tra viên điện lực để kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về sử dụng điện, bảo vệ an toàn công trình điện lực và lưới điện trên địa bàn nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, hành vi vi phạm quy định về an toàn điện.

4. Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện công tác kiểm tra nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời, dứt điểm ngay từ đầu đối với các trường hợp vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, vi phạm quy định về an toàn điện theo thẩm quyền.

5. Thực hiện trách nhiệm của cơ quan cấp phép xây dựng trước khi cấp phép cho tổ chức, cá nhân xây dựng theo quy định tại khoản 2, Điều 51 của Luật Điện lực.

6. Thực hiện chức năng thẩm định, cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” phải phối hợp, khảo sát chặt chẽ cùng các đơn vị Điện lực, làm rõ chỉ giới của HLBVATLĐCA và phạm vi giới hạn sử dụng đất tránh chồng lấn; tổ chức giám sát việc thực hiện nội dung giấy chứng nhận đã cấp theo quy định.

7. Tuyên truyền rộng rãi về tầm quan trọng của lưới điện cao áp và các biện pháp bảo vệ công trình lưới điện cao áp, vai trò của đảm bảo an toàn điện trong cung ứng, sử dụng điện; kiểm tra, xử lý các vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, vi phạm quy định về an toàn điện đồng thời tổ chức quản lý, bảo vệ an toàn công trình điện lực trên địa bàn, chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố nếu để phát sinh vi phạm.

Điều 13. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến quy định của Thành phố về an toàn điện; kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời theo thẩm quyền ngay từ đầu đối với các hành vi vi phạm HLBVATLĐCA, hành vi vi phạm quy định về an toàn điện trên địa bàn.

2. Khi chưa có quy định cấp “Giấy phép xây dựng” tại các vùng nông thôn, UBND cấp xã quản lý chặt chẽ và cảnh báo đến các hộ có nhu cầu xây dựng không để xảy ra tình trạng vi phạm HLBVATLĐCA.

3. Tổ chức, phối hợp với các cơ quan chức năng, Đơn vị điện lực quản lý vận hành lưới điện cao áp tiếp nhận thông tin, tiến hành xử lý theo thẩm quyền các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, hành vi vi phạm quy định về an toàn điện trên địa bàn.

4. Khi phát hiện công trình lưới điện cao áp bị vi phạm hành lang bảo vệ an toàn hoặc có nguy cơ bị phá hoại thì khẩn trương phối hợp với các cơ quan chức năng, Đơn vị điện lực quản lý vận hành lưới điện cao áp ngăn chặn, khắc phục, xử lý theo quy định. Báo cáo kịp thời những công trình xây dựng vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng thời là Ủy viên Ban chỉ đạo phát triển điện lực cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện về triển khai các nhiệm vụ trong xử lý vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, vi phạm quy định về an toàn điện trên địa bàn.

Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị Điện lực quản lý vận hành lưới điện

1. Phối hợp với Sở Công Thương thường xuyên cập nhật và hoàn thiện việc số hóa cơ sở dữ liệu hệ thống điện Thành phố phục vụ công tác xử lý vi phạm HLBVATLĐCA và công tác khác. Cung cấp sơ đồ mặt bằng lưới điện cao áp đang vận hành trên địa bàn cho UBND cấp huyện và các cơ quan cấp phép chuyên ngành của Thành phố. Chủ động làm việc với Sở Giao thông Vận tải để được thỏa thuận vị trí hướng tuyến trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nhà nước về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và an toàn điện; phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, báo cáo xử lý điểm vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và an toàn điện theo đúng quy định.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật và Thành phố trong quy hoạch, thiết kế, xây dựng, sửa chữa, lắp đặt, thí nghiệm, kiểm định và bảo trì các thiết bị, lưới điện nhằm quản lý vận hành lưới điện an toàn.

4. Thường xuyên kiểm tra lưới điện thuộc phạm vi quản lý, phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị điện lực khác trong phát hiện, xử lý các vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và an toàn điện; lập biên bản vi phạm và đề nghị xử lý vi phạm gửi đến các cơ quan chức năng: UBND cấp xã, UBND cấp huyện đồng thời gửi báo cáo Thường trực Ban chỉ đạo phát triển điện lực Thành phố.

5. Nghiên cứu lập kế hoạch, bố trí nguồn vốn từng bước hạ ngầm lưới điện cao áp trong khu vực phát triển đô thị (ưu tiên khu vực trong Vành đai 4) góp phần cải tạo cảnh quan kiến trúc của khu vực, tăng hiệu quả sử dụng đất, đảm bảo HLBVATLĐCA theo quy định.

6. Lập phương án đầu tư, cải tạo lưới điện theo quy hoạch nhằm khắc phục tình trạng vi phạm HLBVATLĐCA của công trình xây dựng theo đề nghị của chủ đầu tư công trình (trong trường hợp Chủ công trình xây dựng vi phạm tự nguyện bỏ kinh phí di chuyển, cải tạo công trình lưới điện cao áp) và phải có xác nhận bằng văn bản của chính quyền địa phương có công trình cải tạo. Khi cải tạo và xây dựng công trình lưới điện cao áp phải thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ.

7. Phải tháo dỡ thu hồi các kết cấu của hạng mục, công trình lưới điện do đơn vị quản lý; hoàn trả mặt bằng trong vòng 06 tháng kể từ khi hạng mục, công trình lưới điện đó được tách khỏi hệ thống điện và không còn khai thác, sử dụng.

8. Thực hiện ngừng giảm cung cấp điện theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và an toàn điện theo quy định; thông báo và giám sát các khách hàng sử dụng điện không được cấp điện cho công trình, điểm vi phạm.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan khác có liên quan

1. Công an Thành phố:

Chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, an toàn lưới điện cao áp trong phạm vi các đơn vị trực thuộc; tham mưu, phối hợp với các Sở, ban, ngành của Thành phố, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong kiểm tra, xử lý và ngăn chặn kịp thời các vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và vi phạm an toàn điện theo quy định; chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, Công an các quận, huyện, thị xã kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và vi phạm an toàn điện, trộm cắp trang thiết bị lưới điện, phá hoại lưới điện, trộm cắp điện năng.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án đảm bảo an ninh, trật tự hệ thống truyền tải điện 500kV trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội:

Chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, an toàn lưới điện cao áp trong phạm vi các đơn vị trực thuộc; tham mưu, phối hợp với các Sở, ban, ngành của Thành phố, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong kiểm tra, xử lý và ngăn chặn kịp thời các vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và vi phạm an toàn điện theo quy định; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm quy định pháp luật như: trộm cắp trang thiết bị lưới điện, phá hoại lưới điện, trộm cắp điện năng.

3. Sở Tài chính:

Phối hợp với các Sở, ban, ngành của Thành phố tham mưu báo cáo UBND Thành phố bố trí kinh phí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách Thành Phố để triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Tham mưu UBND Thành phố giải quyết các nội dung liên quan đến quy hoạch sử dụng đất xây dựng các công trình điện lực, đơn giá đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư, cải tạo các công trình lưới điện trên địa bàn Thành phố.

Chủ trì phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan hướng dẫn việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định của Nhà nước.

5. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

Chủ trì tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền việc thỏa thuận vị trí, hướng tuyến công trình điện theo thẩm quyền tại Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND Thành phố ban hành Quy chế quản lý phát triển điện lực trên địa bàn thành phố Hà Nội, đảm bảo an toàn công trình lưới điện theo quy định.

Phối hợp cung cấp thông tin về quy hoạch (khi nhận được đề nghị của cơ quan chủ trì) để phục vụ công tác bảo vệ, xử lý vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp theo quy định.

6. Các cơ quan truyền thông:

Đài Phát thanh Truyền hình Hà Nội, Báo Hà Nội mới, Báo Kinh tế đô thị và các cơ quan thông tin truyền thông khác của Thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm tham gia, tuyên truyền về tầm quan trọng của công tác bảo vệ lưới điện cao áp, đảm bảo an toàn trong cung ứng, sử dụng điện trên địa bàn Thành phố.

CHƯƠNG V

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Khen thưởng, kỷ luật

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong công tác bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và an toàn điện có thành tích xuất sắc thì được xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ an toàn lưới điện cao áp do thiếu trách nhiệm hoặc cố ý làm trái các quy định của Nhà nước gây thiệt hại cho người dân, cho đơn vị, gây mất an toàn cho lưới điện sẽ bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, hạ ngạch hoặc buộc thôi việc và phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí cho lĩnh vực quản lý, đảm bảo an toàn điện thuộc kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển điện lực Thành phố được cấp từ ngân sách Thành phố, Sở Công Thương có trách nhiệm lập dự toán và quản lý kinh phí hoạt động hàng năm theo quy định.

2. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển điện lực cấp huyện và của UBND cấp xã cho lĩnh vực quản lý, đảm bảo an toàn điện trên địa bàn được cấp từ ngân sách địa phương và quản lý theo quy định của Luật ngân sách.

Điều 18. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các tổ chức, cá nhân trong việc xử lý vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và an toàn điện được thực hiện theo Luật Khiếu nại, tố cáo và các văn bản liên quan.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương có nhiệm vụ phối hợp với các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này; báo cáo định kỳ (6 tháng, cả năm) và theo yêu cầu đối với UBND Thành phố và Bộ Công Thương.

2. UBND cấp huyện, UBND cấp xã chịu trách nhiệm và tổ chức thực hiện Quy định này trên địa bàn, thực hiện báo cáo định kỳ (quý, năm) và theo yêu cầu về tình hình vi phạm an toàn điện, công tác xử lý vi phạm HLBVATLĐCA trên địa bàn với Sở Công Thương.

3. Các đơn vị Điện lực quản lý vận hành lưới điện tổ chức thực hiện Quy định này; thực hiện báo cáo nhanh về tai nạn điện và các vi phạm đối với hàng lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp theo quy định, báo cáo định kỳ (quý, năm) và theo yêu cầu về tình hình vi phạm an toàn điện, công tác xử lý vi phạm HLBVATLĐCA trong phạm vi quản lý vận hành với UBND cấp huyện quản lý địa bàn nơi xảy ra vi phạm và với Sở Công Thương.

Trong quá trình thực hiện quy định, nếu vướng mắc các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để được hướng dẫn thực hiện đồng thời báo cáo UBND Thành phố để bổ sung, điều chỉnh kịp thời./.